TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2025/HNGĐ-ST
Ngày 30-12-2025
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phúc;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vương Thị Liên;

Bà Lục Thị Nhung.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Mai Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 96/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nông Thị U**, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn B, xã T, tỉnh TQ. ĐT: 0349.894.815 (Vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh **Hoàng Văn Th**, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn B, xã T, tỉnh TQ (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 9 năm 2025, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nông Thị U trình bày:

Chị và anh Hoàng Văn Th trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh HG (nay là xã T, tỉnh TQ) vào ngày 01/11/2007. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống không được hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T hay uống rượu chè, bỏ bê không chăm lo cho cuộc sống gia đình, thường xuyên đánh đập, hành hạ chị U và đe dọa giết chị nhiều lần, chị U đã phải đi làm công nhân xa nhà để không còn bị anh T đánh đập. Mặc dù đã được hai

bên gia đình nội, ngoại khuyên bảo, bản thân chị U cũng đã tha thứ cho anh T nhiều lần nhưng không có kết quả, anh T không thay đổi, từ đó tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể khắc phục được, anh chị đã sống ly thân được 4 năm, nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn Th.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Hoàng Thúy Y, sinh ngày 23/04/2008 và cháu Hoàng Đức A, sinh ngày 19/01/2011. Do điều kiện chị U đi làm công nhân xa nhà, không có nhà riêng, các con chung đang sinh sống với bố, được đi học ổn định và có ông bà nội hỗ trợ trông nom nên khi ly hôn chị U có nguyện vọng giao cháu Y và cháu Đức A cho anh T nuôi dưỡng, chị U có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 4.000.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Toà án thụ lý vụ án và tiến hành giải quyết theo trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh Hoàng Văn Th nhiều lần, anh T đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh T không đến Tòa án để làm việc, không cung cấp lời khai nêu quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngày 10/11/2025, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, trường học của các cháu. Kết quả xác minh, anh Hoàng Văn Th hiện tại vẫn đang sinh sống và làm việc tại địa phương, thi thoảng đi làm ăn xa ít ngày lại về, anh T đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án. Tại biên bản xác minh về việc hỏi ý kiến của con chung, cháu Y và cháu Đức A đều có nguyện vọng muốn sống cùng với bố, cả hai cháu đều thuộc trường hợp không phải đóng học phí và được miễn tất cả các khoản đóng góp của nhà trường. Ngoài ra, cháu Đức Ahàng tháng được trợ cấp 120.000 đồng/tháng theo quy định của UBND tỉnh HG năm 2024 (cũ).

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 28/10/2025 chị Nông Thị U có đơn xin giải quyết vắng mặt, nội dung đơn thể hiện đầy đủ quan điểm giải quyết vụ án như trong đơn khởi kiện. Tại phiên tòa anh Hoàng Văn Th tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn, bị đơn, người tiến hành tố tụng và đề nghị HĐXX:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị U về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với anh Hoàng Văn Th.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nông Thị U và anh Hoàng Văn Th được ly hôn.

3. Về con chung: Giao cháu Hoàng Thúy Y, sinh ngày 23/04/2008 và Hoàng Đức A, sinh ngày 19/01/2011 cho anh Hoàng Văn Th nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi trưởng thành, Chị U có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung là cố định.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu, do đó không đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết.

5. Về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn anh Hoàng Văn Th cư trú tại Thôn B, xã T, tỉnh TQ, do đó Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nông Thị U có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Hoàng Văn Th vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Các đương sự đã được Tòa án tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ, đúng quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nông Thị U và anh Hoàng Văn Th có đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật vào ngày 01/11/2007 tại UBND xã T, huyện Vị, tỉnh HG (nay là xã T, tỉnh TQ), xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, anh T hay uống rượu chè, bỏ bê không chăm lo cho cuộc sống gia đình, thường xuyên có hành vi bạo lực, đánh đập, hành hạ chị U dẫ đến cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay và không còn quan tâm đến nhau nữa. HĐXX xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị U và anh T đã thực sự trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Cần chấp yêu cầu khởi kiện của chị U, cho chị Nông Thị U được ly hôn với anh Hoàng Văn Th.

[3] *Về con chung*: Anh chị có hai con chung là cháu Hoàng Thúy Y, sinh ngày 23/4/2008 và cháu Hoàng Đức A, sinh ngày 19/01/2011, hiện nay cháu Y, cháu Đức A đang chung sống với ông bà nội tại Thôn B, xã T, tỉnh TQ và được đi học bình thường. Do điều kiện chị U đi làm công nhân xa nhà, không có nhà riêng, các con chung đang sinh sống với bố, được đi học ổn định và có ông bà nội hỗ trợ trông nom nên khi ly hôn chị U có nguyện vọng giao cháu Y và cháu Đức A cho anh T nuôi dưỡng, chị U có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 4.000.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Quá trình giải quyết vụ án anh Hoàng Văn Th không có văn bản nêu ý kiến về việc nuôi con mặc dù đã được tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, cháu Y và cháu Đức A đều

có nguyện vọng được sống cùng với bố. HĐXX xét thấy: Việc nguyên đơn chị Nông Thị U có nguyện vọng giao các con cho anh T nuôi dưỡng là có căn cứ, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, đảm bảo cho các cháu có cuộc sống ổn định, được đi học đầy đủ, cuộc sống không bị xáo trộn và đúng với nguyện vọng của các cháu do đó được chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung, công nợ chung*: Các đương sự không có yêu cầu, do đó HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị Nông Thị U phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đồng thuận với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" giữa chị Nông Thị U và anh Hoàng Văn Th.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị U được ly hôn với anh Hoàng Văn Th.

3. Về con chung: Giao cháu Hoàng Thúy Y, sinh ngày 23/4/2008 và cháu Hoàng Đức A, sinh ngày 19/01/2011 cho anh Hoàng Văn Th là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị U có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con với mức là 4.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/01/2026. Anh T là người trực tiếp nhận tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, anh T và chị U có quyền thay đổi về cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Nông Thị U phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con chung, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí chị U đã nộp theo biên lai thu số 0000621 ngày 06 tháng 10 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh TQ. Chị Nông Thị U còn phải thi hành 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí còn thiếu.

5. Quyền kháng cáo*:* Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND KV4;
- TAND tỉnh;
- THADS tỉnh;
- Các đương sự;
- UBND xã T
(02 bản, 01 bản niêm yết);
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Phúc